TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **Thành phố H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **62/**2018/QĐST-HNGĐ	*T , ngày 16 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 1220/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Viết T , sinh năm: 1990

Địa chỉ: 109D/28 B, Phường 8, Quận X, Tp.H .

Bị đơn: Bà Trần Thị Thu H , sinh năm: 1990

Địa chỉ: 21/3 T, phường T, quận T , Tp.H .

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Đỗ Viết T và bà Trần Thị Thu H .

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Viết T và bà Trần Thị Thu H thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông T và bà H chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 365, quyển số 02/2012 ngày 20/11/2012 của UBND phường T, quận T cấp cho ông T và bà H không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Hai bên xác định không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên xác định không có.

- Về án phí hôn nhân gia đình: Án phí hôn nhân gia đình là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) do ông T tự nguyên chịu nhưng được cấn trừ vào số tiền ông T đã tạm

nộp án phí theo biên lai số 0010289 ngày 08/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T . Hoàn lại cho ông T 150.000 đồng theo biên lai nói trên.

3. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. T ;
- UBND phường T, quận T ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm Phán

Lê Công Huân